

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ HM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2024/DS-ST

Ngày: 17-06 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

2. Ông Võ Hoàng Thu .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HM.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố HM tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, căn cứ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 230/QĐST-DS ngày 24 tháng 05 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần ST;

Địa chỉ trụ sở: Số X NK, phường VTS, Quận Y, Thành phố HM.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) có đại diện là ông Lê Ngọc T, Tổng giám đốc. Địa chỉ: 278 NK, phường VTS, Quận Y, Ủy quyền cho ông Trần Gia T theo giấy ủy quyền số 2392/2024/UQ-TGD ngày 11/3/2024 (ông T có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú tại: M, Ấp K, xã BH, huyện BC, Thành phố HM (ông N vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần ST (Công ty SA) do ông Trần Gia T làm đại diện trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: Ngày 06 tháng 09 năm 2017, ông Nguyễn Minh N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần ST, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng áp dụng cho khách hàng cá nhân ngày 06 tháng 9 năm 2017, kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành cùng các tài liệu chung của hợp đồng, Loại thẻ Visa, số thẻ XX-XXX, lãi suất 2.6%/ tháng, với hạn mức sử dụng là 20.000.000 VNĐ với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Minh N đã sử dụng thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 805.755.900 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau theo Điều 22 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ông Nguyễn Minh N còn phải chịu khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, (chi tiết lãi, phí theo bản sao kê tóm tắt đính kèm). Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông Nguyễn Minh N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 792.662.520 đồng, (chi tiết các lần thanh toán trong bản sao kê tóm tắt đính kèm) tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và /hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và /hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần nhắc nhở làm việc ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 01/01/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tại thời điểm này là 24.091.067 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại và lãi quá hạn đến nay là 28.154.882 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) do ông Trần Gia T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2024 số tiền Nợ gốc là 24.091.067 đồng và Nợ lãi quá hạn là 28.154.882 đồng, tổng cộng là 52.245.949 đồng (năm mươi hai

triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh N: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Xét thấy tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC thành phố HM có ý kiến sau:

Về tố tụng; Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) khởi kiện và ông Trần Gia T đại diện xác định là khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Minh N yêu cầu Tòa án xử buộc ông N phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2024 số tiền Nợ gốc là 24.091.067 đồng và Nợ lãi quá hạn là 28.154.882 đồng, tổng cộng là 52.245.949 đồng (năm mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm khi án có hiệu lực pháp luật là ngày 18 tháng 6 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng. Do bị đơn ông Nguyễn Minh N hiện có địa chỉ tại M, Tổ 222, Ấp KB, xã BH, huyện BC, Thành phố HM. Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HM.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- *Xét thấy quan hệ tranh chấp*: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng tín dụng*” hợp đồng được xác lập vào thời điểm năm 2015. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Điều 688 quy định “ 1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) *Giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11(Bộ luật Dân sự 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết*”. Do đó vẫn phải áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định của pháp luật hiện hành làm căn cứ giải quyết vụ án án.

- *Xét thời hiệu khởi kiện* : Căn cứ vào nội dung của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng áp dụng cho khách hàng cá nhân ngày 06 tháng 9 năm 2017, kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành cùng các tài liệu chung của hợp đồng, Loại thẻ Visa, số thẻ XX-XXX, lãi suất 2.6%/ tháng, với hạn mức sử dụng là 20.000.000vnd với mục đích là tiêu dùng cá nhân, căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 quy định tại Điều 186 Quyền khởi kiện “ *Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án(gọi chung là người khởi kiện), tại Tòa án có thẩm quyền yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*” tại Điều 150 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định.. “...3. Thời hiệu khởi kiện là thời hiệu mà chủ thể được khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện ”; và nguyên đơn đã thực hiện yêu cầu đòi nợ liên tục nay khởi kiện là vẫn còn thời hiệu nên Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố HM thụ lý là đúng quy định, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Minh N*: Xét việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh N, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn ông N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải và kèm theo là tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông N vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập để tham gia giải quyết vụ án vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành nênm yết theo thủ tục xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 177, 181, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

- *Xét về nội dung khởi kiện* : Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) khởi kiện tại phiên tòa do ông Trần Gia T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2024 số tiền Nợ gốc là 24.091.067 đồng và Nợ lãi quá hạn là 28.154.882 đồng, tổng cộng là 52.245.949 đồng (năm mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm là tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng. Về thời hạn trả tiền là một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. **Là có cơ sở chấp nhận. Bồi lẽ.**

- *Xét về chứng cứ*: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thể hiện là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng áp dụng cho khách hàng cá nhân ngày 06 tháng 9 năm 2017, kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành hợp đồng, Loại thẻ Visa, số thẻ XX-XXX, lãi suất 2.6%/ tháng, với hạn mức sử dụng là 20.000.000 VNĐ với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Minh N đã sử dụng thực hiện các giao dịch được một thời gian và cũng đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số số tiền 792.662.520 đồng, sau đó ngưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mà hai bên ký kết. Căn cứ Bộ luật dân sự 2015 tại các điều 118, 119, Điều 119 quy định tại “1 *Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”. Do đó Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2024 số tiền Nợ gốc là 24.091.067 đồng và Nợ lãi quá hạn là 28.154.882 đồng, tổng cộng là 52.245.949 đồng (năm mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) là phù hợp có căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tại Điều 463 quy định Hợp đồng vay tài sản “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả lại cho bên cho vay tài sản và lãi suất nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”. Điều 466 quy định nghĩa vụ trả nợ cho bên vay “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.; 5. Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc không trả đủ thì bên vay phải trả lãi ..”.

Nay nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA). Khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số vốn và lãi là 52.245.949 đồng (năm mươi hai triệu, hai trăm bốn

mười lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ phù hợp các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Minh N trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn ông N vẫn không đến để trình bày ý kiến, như vậy đủ cơ sở kết luận ông N không thiện chí hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật là phù hợp. Ngoài ra ông N không đến trình bày ý kiến nên không đưa ra chứng cứ khác để chứng minh cho phần trình bày của mình là có cơ sở, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “...Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án” nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

- *Xét về thời gian trả nợ*: Xét thấy số nợ đã quá lâu phần nào gây khó khăn nguyên đơn Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương Tín nên yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền này một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Minh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là 52.245.949 đồng (năm mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) x 5% = 2 612 297 đồng (hai triệu sáu trăm mười hai nghìn hai chín bảy đồng) đồng. Ông Nguyễn Minh N nộp.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) không phải nộp án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 912.325 đồng (chín trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0042860, ngày 28/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố HM.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 70, 71, 91, 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 118, 119, 146, 149, 150, 463, 466, 151, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA).

2. Buộc ông Nguyễn Minh N phải trả số tiền là 52.245.949 đồng (năm mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) và tiếp tục lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng.

3. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Minh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh N phải nộp là 2.612.297 đồng (hai triệu sáu trăm mười hai nghìn hai chín bảy đồng). Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) không

phải nộp án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 912.325 đồng (chín trăm mười hai, ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0042860, ngày 28/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành Phố HM.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ST có đại diện theo ủy quyền là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ST (Công ty SA) đại diện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn ông Nguyễn Minh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ



Lại Phước Trường